

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 604/2024/HS-PT

Ngày: 30- 7- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Thảo;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Diệu- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Ông Vũ Văn Biều - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh) vụ án hình sự thụ lý số 352/2024/TLPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án số 149/2023/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 07 tháng 07 năm 1984 tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 2, khu Vĩnh Xuân, phường M, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh Tàn và bà Trịnh Thị Thanh; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 14/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo (do Tòa chỉ định):** Luật sư Đặng Thị Vân T- Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt.

*** Người bị hại có kháng cáo:** Anh Trần Văn T2, sinh năm 1991; địa chỉ:

Tổ 1, khu VT, phường M, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:** Luật sư Nguyễn Văn B – Công ty luật TNHH B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: Số 67 phố H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt. ĐT: 0963.742.111

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Nhân B- Trưởng Văn phòng Công chứng Nguyễn Nhân B; địa chỉ: Số nhà 191 đường H, phường M, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn H; địa chỉ: Tổ 2, khu V, phường M, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt. ĐT: 0334.908.508.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian tháng 01/2021, trên địa bàn thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, do không có tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ, Nguyễn Văn T1 đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thông qua mạng xã hội, T1 đã liên hệ thuê người không rõ lai lịch địa chỉ làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Kim Q 450.000.000 đồng; lợi dụng việc được người khác ủy quyền nhờ làm thủ tục cấp lại GCNQSDĐ, T1 đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Trần Văn T2, chiếm đoạt 300.000.000 đồng. Cụ thể:

Vụ thứ 1: Ngày 21/9/2018, Nguyễn Văn T1 nhận chuyển nhượng một ngôi nhà và quyền sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 130, ở tổ 5 khu V, phường M, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ số CK 133721 cấp ngày 16/8/2018) của ông Nguyễn Quy C và bà Nguyễn Thanh T3, với giá 1.250.000.000 đồng. T1 nhờ chị Nguyễn Thị N, trú tại khu VT, phường M, thị xã ĐT (chị ruột T1) đứng ra ký hợp đồng chuyển nhượng với vợ chồng ông C, bà T3 (làm thủ tục chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị N ở mục nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý). Xong, T1 giữ GCNQSDĐ cùng vợ là chị Nguyễn Thị Phương T4 đến ở. Ngày 28/9/2018, T1 đã bảo chị Thảo đến Ngân hàng Agribank chi nhánh M Tây Quảng Ninh để làm Hợp đồng vay 1.000.000.000 đồng, nhờ chị N đến ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với mảnh đất trên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng vay của chị Thảo, để T1 lấy tiền làm ăn. Việc thanh toán nợ với ngân hàng do T1 chi trả.

Đến cuối tháng 12/2020, T1 nói có nhu cầu muốn chuyển nhượng lại ngôi nhà và thửa đất trên. Anh Nguyễn Kim Q, trú tại khu K 4, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương liên hệ đến xem đất. Sau đó, T1 thay đổi ý định không muốn bán và trao đổi, thống nhất vay của anh Q 350.000.000đồng, lãi suất 02%/tháng, trong thời hạn 03 (ba) tháng, nếu T1 không trả được thì sẽ chuyển nhượng lại thửa đất trên cho anh Q. Anh Q đã đồng ý cho T1 vay tiền như thỏa thuận nhưng yêu cầu T1 phải thế chấp tài sản bằng thửa đất trên.

Do GCNQSDĐ trên đã thế chấp cho khoản vay 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Agribank nên T1 đã nảy sinh ý định và đặt làm giả GCNQSDĐ đối với thửa đất trên nhằm mục đích làm tài sản thế chấp để tạo lòng tin, chiếm đoạt tiền anh Q. Ngày 08/01/2021, sau khi đặt và có được GCNQSDĐ giả, T1 hẹn anh Q và nhờ chị N và anh Phạm Đình H1 (chồng chị N) đến Văn phòng công chứng T ở phường K, thị xã ĐT, để làm thủ tục công chứng, ký Hợp đồng vay tiền và Hợp đồng ủy quyền đối với GCNQSDĐ giả số CK 133721. Tại đây, chị N, anh Q ký vào hợp đồng vay tiền và hợp đồng ủy quyền đối với GCNQSDĐ giả nêu trên và hoàn tất các thủ tục công chứng. Xong, anh Q chuyển cho T1 350.000.000đồng, T1 đưa cho anh Q các hợp đồng đã ký và GCNQSDĐ giả CK 133721. Đến ngày 21/01/2021, T1 đặt vấn đề muốn vay thêm của anh Q 100.000.000đồng và vẫn sử dụng GCNQSDĐ giả mà T1 đã đưa cho anh Q từ trước để làm tài sản thế chấp, lãi suất như lần vay đầu. Do tin tưởng nên anh Q đồng ý và bảo vợ là chị Phạm Thị Luyến giao tiền cho T1. Đến đầu tháng 4/2021, khi quá thời hạn hợp đồng vay tiền nhưng T1 không trả được tiền, anh Q trao đổi với T1 làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất trên cho anh Q. Do T1 chưa có tiền và sợ anh Q phát hiện ra GCNQSDĐ giả, sẽ tố giác hành vi vi phạm của T1 nên T1 tiếp tục xin lùi thời gian trả tiền, anh Q đồng ý.

Đến ngày 18/4/2021, T1 thỏa thuận bán nhà và quyền sử dụng thửa đất trên cho vợ chồng anh Trương Quốc Đ và chị Nguyễn Thị Minh T5, trú tại khu MX 3, phường HĐ, thị xã ĐT với giá 1.400.000.000 đồng. Vợ chồng anh Đ, chị T5 cầm tiền và cùng chị N đến Ngân hàng làm các thủ tục tất toán khoản vay, tổng gốc và lãi là 1.100.000.000 đồng, xóa thế chấp vay, được Ngân hàng trả lại GCNQSDĐ thật CK 133721. Sau khi lấy lại được GCNQSDĐ thật, ngày 28/4/2021, T1 cùng chị N đến Văn phòng công chứng Nguyễn Nhân B làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất trên cho vợ chồng anh Đ, chị T5. Khi hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng, anh Đ thanh toán nốt cho T1 300.000.000 đồng. T1 nhận tiền, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Khoảng tháng 5, 6/2021, anh Q nhiều lần gọi điện yêu cầu T1 trả tiền, nhưng T1 vẫn xin khát, sau đó không nghe máy và trốn tránh việc gặp vợ chồng

anh Q, chị Luyến. Do không liên lạc được với T1 nên anh Q đã gọi điện cho chị N để nhắc việc trả nợ. Vì vậy, chị N liên lạc với T1 và nói lại sự việc anh Q trao đổi thì T1 trực tiếp gặp và đưa cho chị N 50.000.000 đồng, nhờ chị N trả cho anh Q. Ngày 25/6/2021, chị N chuyển số tiền trên cho chị Luyến, nói trả một phần nợ gốc. Đến tháng 7/2021, anh Q đến nhà T1 ở tổ 5, khu V, phường M, thị xã ĐT tìm hiểu, biết được T1 đã chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác. Anh Q nghi ngờ GCNQSDĐ T1 đưa cho anh là giả nên anh đến Văn phòng công chứng T đề nghị xác minh, làm rõ. Đồng thời anh Q hỏi T1, T1 thừa nhận GCNQSDĐ đưa cho anh Q là giả, mục đích tạo lòng tin để vay tiền anh Q.

Ngày 29/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐT tiếp nhận tin báo về tội phạm của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã ĐT đề nghị xác minh GCNQSDĐ số CK 133721 mang tên bà Nguyễn Thị N. Căn cứ kết quả xác minh, ngày 14/12/2021, Cơ quan điều tra đã khởi tố, bắt tạm giam Nguyễn Văn T1, đồng thời thu giữ của T1 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG NOTE 8; màu nâu đen gắn sim số 0979.886.599; Thu giữ của N 01(một) điện thoại SAMSUNG GALAXY A51; màu xanh đen; màn hình bị nứt vỡ, gắn sim số 0904.332.982, đều đã qua sử dụng.

Cùng ngày khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T1, Cơ quan điều tra thu giữ các tài liệu sau: 12 GCNQSDĐ do UBND huyện (thị xã) ĐT cấp; 01 con dấu tròn mang tên “HỢP TÁC XÃ CÔNG NGHIỆP VĨNH THẮNG 668”; 01 con dấu mang tên Giám đốc Nguyễn Thị N; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã số 22L0700085, đăng ký lần đầu ngày 30/5/2017 tên Hợp tác xã công nghiệp Vĩnh T1 668; 01 hợp đồng đặt cọc ngày 18/4/2021 giữa chị Nguyễn Thị N với anh Trương Quốc Đ. Tại bản kết luận giám định số 445, 446 ngày 07/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Tài liệu thu giữ nêu trên với mẫu so sánh, xác định là tài liệu thật. Số tài liệu, đồ vật trên, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 11/6/2022, Cơ quan điều tra ĐT đã Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản kết luận giám định số 1870 ngày 04/10/2021 và số 1064 ngày 30/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị N với mẫu so sánh (chữ ký, hình dấu, mẫu in GCNQSDĐ) không phải: cùng một người ký, cùng một con dấu đóng, cùng bản in tương ứng in ra. Hình dấu trong tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in màu.

- “Giấy vay tiền” của anh Nguyễn Kim Q do T1 viết (ký hiệu A): Chữ viết (trừ các chữ trong khung màu đỏ) và chữ ký mang tên “Nguyễn Văn T1” trong tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký mang tên “Nguyễn Văn T1” trong các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

Tại biên bản kiểm tra điện thoại ngày 17/12/2021 và ngày 10/3/2022 thể hiện có nội dung liên quan đến việc trao đổi giữa T1 và N: các tin nhắn đến, đi giữa tài khoản zalo tên “Nguyenthang” sử dụng số điện thoại 0979.886599 với tài khoản zalo tên “Nguyen N” sử dụng số điện thoại 0904332982 với nội dung T1 nhờ N ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, N nói không hiểu chỉ biết bảo ký là ký thôi. Mục tin nhắn điện thoại của T1 thể hiện từ ngày 31/3/2021 đến ngày 13/9/2021, anh Q đã nhiều lần nhắn tin đòi tiền T1, T1 nhắn tin khất không trả.

Vụ thứ hai: Năm 2018, Nguyễn Văn T1 đang làm cán bộ địa chính phường M, được ông Phạm Văn H (Sinh năm 1961), nhờ làm thủ tục xin cấp lại GCNQSDĐ cho ông H, do ông H bị mất GCNQSDĐ. T1 hẹn gặp ông H đưa giấy tờ phôi tô (thông tin cá nhân ông H) để lấy thông tin làm thủ tục đề nghị cấp lại. Ông H đưa giấy tờ cho T1 ở ngoài trụ sở UBND phường M. Đến ngày 01/12/2019, T1 được điều chuyển công tác đến UBND xã Hồng Thái Đông làm công chức địa chính. Do làm công chức địa chính, nên T1 biết trước đó, UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã yêu cầu nhân dân nộp GCNQSDĐ (bản chính) cho UBND để làm thủ tục cấp đổi lại (theo mẫu mới), T1 tìm thấy GCNQSDĐ mang tên ông H cấp năm 2015 lưu ở UBND phường M nhưng giữ lại và nói với ông H để T1 làm thủ tục xin cấp lại GCNQSDĐ cho ông H như đã thỏa thuận. Ông H không biết T1 tìm thấy nên đồng ý. Khoảng tháng 11/2020, T1 cho người đến đo đạc hiện trạng đất (đất có sự biến động mương nước và tăng diện tích đất là 25,5m²), nhận 8.000.000 đồng của ông H để chi phí. Sau đó, T1 bảo ông H đến Văn phòng công chứng Nguyễn Nhân B làm thủ tục ủy quyền cho T1 để làm hồ sơ đề nghị cấp lại GCNQSDĐ nhưng T1 nói với nhân viên Văn phòng công chứng làm thủ tục để ông H ủy quyền cho T1 toàn quyền định đoạt đối với thửa đất trên của ông H (*T1 đã đưa ông H ký Hợp đồng ủy quyền ngày 02/12/2020, giữa ông Phạm Văn H với Nguyễn Văn T1, với nội dung ủy quyền: T2 quyền sử dụng, định đoạt quyền SDD và tài sản gắn liền với đất, thời hạn ủy quyền là 05 năm*). T1 trực tiếp làm tờ khai rồi ký tên ông H, gửi hồ sơ về phòng một cửa UBND phường M, được anh Lê Văn H cán bộ UBND phường tiếp nhận. Đến ngày 17/12/2020, T1 nhờ chị Nguyễn Thị T7 làm Giấy ủy quyền (*Ông H ủy quyền cho chị T7*) để nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã ĐT. Đến ngày 07/01/2021, ông H được cấp GCNQSDĐ mới. Sau khi nhận được GCNQSDĐ của ông H, T1 không trả cho

ông H, sử dụng để cầm cố, làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ của ông H cho anh Trần Văn T2, theo Hợp đồng chuyển nhượng 19/01/2021, giữa bên chuyển nhượng ông Phạm Văn H (*người đại diện theo ủy quyền là Nguyễn Văn T1*) với bên nhận chuyển nhượng là Trần Văn T2 và Nguyễn Thị Kim Ly, với giá trị chuyển nhượng của thửa đất trên là 300.000.000 đồng, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Nhân B do công chứng viên Nguyễn Nhân B thực hiện.

Đến ngày 21/5/2021, ông H tìm gặp T1 để hỏi lấy GCNQSDĐ, T1 thừa nhận đã mang GCNQSDĐ của ông H đi cầm cố, sau đó chuyển nhượng cho anh Trần Văn T2 vào tháng 8/2021.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 20/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã ĐT kết luận: Tài sản là quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số BX 108239 mang tên ông Phạm Văn H cấp ngày 22/9/2015, trị giá là 593.118.000 đồng.

Ngày 27/8/2021, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng TNMT - UBND thị xã ĐT ra Thông báo số 290 về việc tạm dừng thủ tục “đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” đối với ông Phạm Văn H - Trần Văn T2, theo đề nghị của Cơ quan điều tra Công an thị xã ĐT.

Ngày 29/9/2022, Cơ quan điều tra Công an thị xã ĐT đã tạm giữ GCNQSDĐ mang tên ông Phạm Văn H cấp ngày 07/01/2021. Mục thay đổi và cơ sở pháp lý thể hiện: *Chuyển nhượng cho ông Trần Văn T2, bà Nguyễn Thị Kim Ly - VPĐKQSD đất ngày 21.8.2021 (PGĐ Nguyễn Công Miên) đã ký.*

Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra còn tiếp nhận được các đơn tố giác của một số công dân gồm: ông Lý Quốc K, Nguyễn Đình T6 và Hà Đình Vân đối với Nguyễn Văn T1, về việc: Ông Lý Quốc K đặt cọc tiền mua đất của T1, T1 không thực hiện việc chuyển nhượng đất theo thỏa thuận. Ông K đòi tiền T1, T1 không trả đủ tiền mới trả được một nửa tiền; Ông Nguyễn Đình T6 góp tiền với T1 mua đất của ông Phạm Văn N2. Khi T1 bị bắt giam, ông T6 đòi tiền T1, ông Hoàng Đức Thọ tiếp tục mua đất và thay T1 trả tiền cho ông T6; ông Hà Đình Vân bán đất cho T1, T1 trả nửa tiền còn nợ lại, sau đó ông Vân đòi T1 tiền, T1 chưa có tiền trả. Các ông T6, K, Vân yêu cầu T1 trả tiền cho các ông, đề nghị xử lý Thẳng theo quy định. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác minh thu thập tài liệu xác định các vụ việc trên là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm hình sự.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Ngoài ra còn khai đối với việc làm giả giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất: Đầu tháng 01/2021, T1 sử dụng điện thoại di động Samsung Note 8 lên mạng xã hội Facebook tìm người làm giả giấy tờ. Sau đó, T1 liên hệ với 01 người đàn ông không quen biết, thỏa thuận đặt làm giả 01 (một) GCNQSDĐ số CK133721 mang tên Nguyễn Thị N với giá 6.000.000 đồng. T1 chuyển khoản đặt cọc trước 2.000.000 đồng, gửi thông tin cho người này bằng bản ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 133721 mang tên ông C, bà T3 và căn cước công dân của chị Nguyễn Thị N. Hai ngày sau, T1 nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên chị N qua dịch vụ chuyển phát nhanh, đồng thời T1 thanh toán nốt 4.000.000 đồng cho nhân viên chuyển phát. Sổ giấy tờ tài liệu thu giữ khi khám xét nhà T1 là của T1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số người nhờ T1 giải quyết việc riêng, không liên quan đến hành vi vi phạm của T1. Khi làm thủ tục để ông H ủy quyền cho T1 làm hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T1 chỉ nói với ông H làm thủ tục ủy quyền cho T1 làm hồ sơ, không nói rõ cho ông H biết ủy quyền cho T1 toàn quyền định đoạt đối với thửa đất này. Nếu T1 nói rõ cho ông H, thì ông H sẽ không đồng ý. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, T1 cần tiền mới có ý định cầm cố cho anh T2 vay tiền, sau đó làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T2. T1 không hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và ông H không biết việc T1 chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T2.

Tại Bản án số 149/2023/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng: Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 54; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 09 (chín) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (ba) năm tù về tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2021.

* Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584; 585 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải trả lại cho bị hại Trần Văn T2 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí

và tuyên các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/01/2024, bị hại Trần Văn T2 có đơn kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự đối với anh T2 vì nhận định của bản án về giá trị pháp lý của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không khách quan, thiếu căn cứ pháp lý, không đúng với tài liệu hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Trần Văn T2 không rút kháng cáo. Đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến anh Trần Văn T2 để xem xét trách nhiệm với Văn phòng công chứng Nguyễn Nhân B và chị Nguyễn Thị N.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 không có kháng cáo và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo tự nguyện trả cho anh Trần Văn T2 tiền làm nghĩa vụ tài chính khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 26.251.900 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm và xác định ông H không ủy quyền cho bị cáo chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải trả lại cho bị hại Trần Văn T2 300.000.000 đồng tiền chiếm đoạt là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn T2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo trả cho anh T2 26.251.900 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày quan điểm: Án sơ thẩm kiến nghị hủy bỏ đăng ký biến động đất đai là không đảm bảo căn cứ pháp lý vì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn H ủy quyền cho Nguyễn Văn T1 xác lập với anh Trần Văn T2 có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Nhân B là hợp pháp và chưa có văn bản nào tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này vô hiệu; Cần xem xét trách nhiệm của Công chứng viên và xem xét trách nhiệm của chị Nguyễn Thị N nhưng án sơ thẩm chưa xem xét, không trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Do có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Văn T1 có hành vi gian dối nên T1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và giải quyết hậu quả về trách nhiệm dân sự theo vụ án hình sự là đúng, nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Bị hại kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Trần Văn T2 làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và bị hại Trần Văn T2 đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập công chứng viên Nguyễn Nhân B và chị Nguyễn Thị N, Tòa án đã triệu tập công chứng viên nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Công chứng viên Nguyễn Nhân B và chị Nguyễn Thị N đã có lời khai tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận hoãn phiên tòa.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xác định Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là đúng, không oan. Bị cáo không có kháng cáo, bị hại không kháng cáo về trách nhiệm hình sự nên không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Trần Văn T2 về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình ông Phạm Văn H nhờ bị cáo Nguyễn Văn T1 làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã gian dối với ông Phạm Văn H để làm nội dung ủy quyền không đúng với ý chí của ông H trong việc định đoạt quyền sử dụng đất của ông H. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H và giấy ủy quyền của ông H cho T1, T1 đã làm thủ tục chuyển nhượng cho anh T2 thừa đất của ông H trái ý chí của ông H, ông H không hề nhờ T1 chuyển nhượng thừa đất của ông H, do vậy, T1 đã lừa anh T2 để chiếm đoạt tiền của anh T2 và nhận 300.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H nên T1 bị kết án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Số tiền T1 có được từ anh T2 xuất phát từ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ông Phạm Văn H trình bày tại phiên tòa thừa đất này có nguồn gốc của vợ ông H, khi vợ ông H chết không để lại di chúc nên nếu ông H một mình chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì hợp đồng cũng không có hiệu lực. Do

vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn H do bị cáo Nguyễn Văn T1 đứng tên ủy quyền xác lập với anh Trần Văn T2 không có giá trị pháp lý và buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 bồi thường cho anh T2 300.000.000 đồng tiền chiếm đoạt là có căn cứ. Do đó, anh Trần Văn T2 cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hiệu lực và yêu cầu hủy kiến nghị đăng ký biến động đất đai là không có căn cứ chấp nhận.

Văn phòng công chứng Nguyễn Nhân B thực hiện công chứng theo yêu cầu của các đương sự theo Luật công chứng, không biết bị cáo Nguyễn Văn T1 lừa dối ông Phạm Văn H khi lập văn bản ủy quyền, chị Nguyễn Thị N không bàn bạc, không biết T1 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên việc Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị hại và bị hại yêu cầu xem xét trách nhiệm với Văn phòng công chứng Nguyễn Nhân B và chị Nguyễn Thị N là không có căn cứ chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án đúng pháp luật, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T1 tự nguyện trả cho anh Trần Văn T2 số tiền 26.251.900 đồng anh T2 nộp ở Kho bạc nhà nước để thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cần được ghi nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị hại Trần Văn T2 không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn T2 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 149/2023/HS- ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải trả lại cho bị hại Trần Văn T2 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn T1 trả cho anh Trần Văn T2 26.251.900 đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị hại Trần Văn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005744 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Hải

Trần Xuân Thảo

Ngô Quang Dũng

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Bị hại, Người liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Quang Dũng

